

Bài 23
RONG HUYẾT
(Huyết lậu)

MỤC TIÊU

1. Hiểu được định nghĩa và phân loại rong huyết theo y học cổ truyền
2. Biết chỉ định điều trị rong huyết theo y học cổ truyền
3. Biết phương pháp điều trị rong huyết theo y học cổ truyền

1. THEO Y HỌC HIỆN ĐẠI

1.1. Định nghĩa

Theo YHHD: rong huyết là hiện tượng ra huyết đường âm đạo, hỗn loạn về thời gian và số lượng. Thường không phải hành kinh mà ra huyết, nhưng cũng có trường hợp rong kinh rồi dẫn đến rong huyết và ngược lại rong huyết rồi dẫn đến rong kinh.

1.2. Nguyên nhân

Thường do nguyên nhân thực thể như: viêm loét cổ tử cung, polyp cổ tử cung, ung thư cổ tử cung, sót rau, sảy thai.....

Ngoài ra cũng có một số bệnh toàn thân gây nên như: tăng huyết áp, suy tim, cường tuyến giáp, Hemogenie...

1.3. Điều trị

Phải điều trị theo đúng nguyên nhân.

2. THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN

Rong huyết cũng được xếp và chứng băng lậu của YHCT. Nguyên nhân chủ yếu do tổn thương xung nhâm. Lâm sàng chia làm 2 loại hư và thực với nhiều thể khác nhau. Phương pháp điều trị có 2 loại: điều trị bằng thuốc và điều trị bằng châm cứu.

2.1. Điều trị bằng thuốc

2.1.1. Thực chứng

Do huyết nhiệt, thấp nhiệt, huyết ú, khí uất.

a. Huyết nhiệt

Do tâm hỏa vượng hoặc ăn phải đồ cay nóng, nhiệt phục ở xung - nhâm gây bức huyết vọng hành.

- *Triệu chứng:* đột nhiên ra huyết âm đạo, lượng nhiều, màu đỏ, người nóng, khát nước, đầu choáng, ngủ không yên, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sắc.
- *Phép điều trị:* thanh nhiệt, lương huyết, chỉ huyết.
- *Phương:*

Bài 1:

Sinh địa	16g	A giao	8g
Huyền sâm	12g	Tông lư thán	8g
Địa cốt bì	8g	Chi tử sao	8g
Kỷ tử	8g	Cỏ nhọ nổi	16g

Bài 2: Thanh nhiệt cố kinh thang

Trích quy bản	20g	A giao	12g
Mẫu lệ	12g	Sinh địa	16g
Địa cốt bì	10g	Sơn chi	12g
Hoàng cầm	12g	Địa du	12g
Tông lư thán	12g	Ngẫu tiết	12g
Cam thảo	4g		

Sắc uống ngày 1 thang, uống 7-10 thang.

b. Huyết ứ: thường rong huyết sau nạo thai, đặt vòng tránh thai.

- *Triệu chứng:* đột nhiên ra huyết nhiều hoặc ra dầm dề không cầm, sắc tím đen, có cục, bụng dưới đau, cự án, khi huyết ra cục rồi thì bớt đau, mạch trầm sắc.
- *Phép điều trị:* thông ứ, chỉ huyết.
- *Phương:*

Bài 1: Tứ vật đào hồng (trình bày ở rong kinh)

Bài 2:

Ích mẫu	20g	Huyết dụ	6g
Đào nhân	10g	Bách thảo sương	4g
Uất kim	8g	Cỏ nhọ nổi	16g
Nga truyệt	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, uống 7-10 thang.

c. *Thấp nhiệt*: gặp ở trường hợp rong huyết do nhiễm khuẩn.

– *Triệu chứng*: rong huyết nhiều, màu đỏ tía, dính nhớt. Nếu nặng về thấp thì sắc mặt vàng, miệng dính nhớt, tiểu tiện ít, ỉa chảy, rêu trắng nhợt, mạch nhu hoạt. Nếu nặng về nhiệt thì mình nóng tự đổ mồ hôi, tâm phiền, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi khô nhớt, mạch trầm sắc.

– *Phép điều trị*: thanh nhiệt, táo thấp.

– *Phương*:

+ Nếu thiên về nhiệt dùng bài Hoàng liên giải độc thang

Hoàng cầm	12g	Hoàng bá	12g
-----------	-----	----------	-----

Hoàng liên	12g	Chi tử	10g
------------	-----	--------	-----

+ Nếu thiên về thấp thì dùng bài Điều kinh thăng dương trừ thấp thang

Khương hoạt	8g	Thăng ma	12g
-------------	----	----------	-----

Sài hồ	8g	Cảo bản	10g
--------	----	---------	-----

Thương truật	8g	Mạn kinh tử	12g
--------------	----	-------------	-----

Hoàng kỳ	12g	Độc hoạt	12g
----------	-----	----------	-----

Phòng phong	8g	Đương quy	16g
-------------	----	-----------	-----

Cam thảo	4g		
----------	----	--	--

Sắc uống ngày 1 thang, uống 7-10 thang.

d. *Khí uất*

– *Triệu chứng*: đột nhiên ra huyết hoặc ra đàm đờ không dứt, có huyết cục, bụng dưới đau lan hai bên mạng sườn, hay giận, thở dài, rêu lưỡi dày, mạch huyền.

– *Phép điều trị*: điều khí, giải uất

– *Phương*:

Bài 1:

Hương phụ	8g	Chỉ xác	6g
-----------	----	---------	----

Bạch truật	8g	Cỏ nhọ nồi	16g
------------	----	------------	-----

Đảng sâm	12g	Thục địa	12g
----------	-----	----------	-----

Xuyên khung	8g	Cỏ nến	12g
-------------	----	--------	-----

Bài 2: Khai uất tứ vật thang

Thục địa	8g	Bạch truật	12g
----------	----	------------	-----

Bạch thược	8g	Đảng sâm	12g
------------	----	----------	-----

Đương quy	8g	Hoàng kỳ	8g
-----------	----	----------	----

Xuyên khung	8g	Địa du	8g
Hương phụ	8g	Bồ hoàng	8g

Sắc uống ngày 1 thang, uống 7-10 thang

2.1.2. Hư chứng

a. Khí hư: do lao động nhiều, lo nghĩ quá độ, dinh dưỡng kém ảnh hưởng đến khí ở tỳ làm ảnh hưởng đến chức năng thống nhiếp huyết của tỳ.

- *Triệu chứng:* đột nhiên ra huyết nhiều hoặc ra ít một không ngừng, màu đỏ nhạt, người mệt mỏi, đoản hơi, ngại nói, không muốn ăn, đại tiện lỏng, sợ lạnh, tỳ ra mồ hôi, lưỡi nhạt, rêu lưỡi mỏng, mạch hư nhược.
- *Pháp điều trị:* bổ khí liễm huyết.

- *Phương:*

Bài 1: Bổ trung ích khí hoặc Quy tỳ thang gia thêm:

Huyết dụ	6g
Ô tặc cốt	12g
Mẫu lệ	12g

Bài 2: Cố bản chỉ băng thang

Thục địa	12g	Hoàng kỳ	12g
Đảng sâm	12g	Thán khương	8g
Bạch truật	12g		

Sắc uống ngày 1 thang, uống 10-15 thang

b. Dương hư

Do khí hư lâu ngày làm tổn thương dương khí của mệnh môn hỏa (thận dương) mà gây ra tử cung bị hư hàn không điều hoà được mạch xung - nhâm.

- *Triệu chứng:* băng huyết và rong huyết lâu ngày, sắc mặt vàng nhợt hoặc xám, bụng dưới lạnh, ngang rốn lạnh đau, thích chườm nóng, đau eo lưng, sợ lạnh, rêu lưỡi trắng nhạt, mạch trầm trì.
- *Phép điều trị:* ôn bổ thận dương.
- *Phương:* Giao ngải thang thêm phụ tử, thán khương, cao sừng hươu

Thục địa	16g	Ngải cứu	12g
Xuyên khung	8g	Phụ tử chế	8g
Xuyên quy	8g	Thán khương	8g
Bạch thược	12g	Cao sừng hươu	12g
A giao	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, uống 10-15 thang.

c. *Âm hư*: âm hư gây tân dịch và âm huyết giảm sút làm tổn thương tới mạch xung - nhâm nên rong huyết.

– *Triệu chứng*: băng huyết, rong huyết nhiều, màu đỏ sẫm, người gầy yếu, đầu choáng, ù tai, miệng khô, họng ráo, tâm phiền, lưng đau, lòng bàn tay nóng, đêm ngủ không yên, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng, mạch hư tế sác.

– *Phép điều trị*: bổ âm, liễm huyết.

– *Phương*:

Bài 1: Lục vị gia ô tặc cốt, long cốt, mẫu lệ

Thục địa	12g	Đan bì	8g
Sơn thù	8g	Ô tặc cốt	12g
Hoài sơn	12g	Long cốt	16g
Trạch tả	8g	Mẫu lệ	12g
Phục linh	8g		

Bài 2: Nếu âm hư lâu ngày gây huyết hư dùng bài Giao ngải thang thêm các thuốc bổ âm.

Thục địa	12g	Ngải cứu	8g
Bạch thược	10g	Quy bản	8g
Xuyên khung	8g	Thạch斛	8g
Xuyên quy	8g	Nữ trinh tử	8g
A giao	12g		

Sắc uống ngày 1 thang, uống 10-15 thang.

d. Chữa rong huyết sau đẻ

Cần loại trừ các trường hợp rong huyết do sót rau, sang chấn, rồi căn cứ vào toàn thể trạng của sản phụ về mặt hư, thực, hàn, nhiệt để chữa.

– Nếu hư dùng bài Thập toàn đại bổ thêm a giao, tục đoạn, thăng ma, sơn thù

Bạch truật	16g	Xuyên khung	8g
Phục linh	12g	Hoàng kỳ	8g
Cam thảo	6g	Nhục quế	4g
Đảng sâm	12g	A giao	8g
Thục địa	12g	Thăng ma	8g
Bạch thược	10g	Tục đoạn	12g
Đương quy	8g	Sơn thù	8g

- Nếu do giận dữ quá dùng bài Tiêu giao thêm chi tử, sinh địa

Sài hồ	8g	Trần bì	6g
Bạch thược	8g	Bạc hà	8g
Bạch linh	8g	Sinh khương	3 lát
Bạch truật	8g	Chi tử sao	8g
Cam thảo	4g	Sinh địa	4g

Sắc uống ngày 1 thang, uống 7-10 thang

- Nếu do huyết ứ dùng bài Phạt thủ tán phối hợp với bài Thất tiêu tán

Bài Phạt thủ tán:

Xuyên khung	12g
Đương quy	18g

Bài Thất tiêu tán:

Bồ hoàng	4g
Ngũ linh chi	4g

Sắc uống ngày một thang, uống 7-10 thang.

2.2. Chữa rong kinh rong huyết bằng châm cứu

Dùng các huyệt ở kinh nhâm và kinh tỳ, nếu thực nhiệt dùng phép tả không cứu, nếu hư hàn thì châm bổ và cứu.

Huyệt chính: quan nguyên, tam âm giao, ấn bạch.

Nếu thực nhiệt thêm: khí hải, bách hội.

Nếu tỳ khí hư thêm: túc tam lý.

Nếu chảy máu nhiều: cứu khí hải, bách hội.

Châm loa tai vùng tuyến nội tiết, tử cung, buồng trứng.

TỰ LƯỢNG GIÁ

1. Điền vào chữ Đ cho câu đúng, chữ S cho câu sai

- Rong kinh là hiện tượng kinh kéo dài trên 7 ngày Đ/S
- Rong kinh giống hoàn toàn với rong huyết Đ/S
- Rong kinh, rong huyết YHCT gọi là đối hạ Đ/S

2. Hãy điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống

- Rong kinh có 4 thể, đó là:.....
- Rong huyết có 3 thể, đó là:.....

3. Nêu các huyết châm cứu trong điều trị rong kinh.